TAN CANG
OFFSHORE SERVICES

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Independence - Freedom – Happiness

Số/ *No.*: 18./2026/NQ-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 6 năm 2026
Ho Chi Minh City dated 23rd June, 2026

NGHỊ QUYẾT/ RESOLUTION

(V/v: Thông qua hợp đồng/giao dịch giữa TCO với Công ty Cổ phần Tân Cảng Gantry, Công ty Cổ phần Tân Cảng Lạch Huyện, Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ thông tin Tân Cảng và Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng/ Approval Approval of contracts/transactions between TCO and Tan Cang Gantry Joint Stock Company, Tan Cang Lach Huyen Joint Stock Company, Tan Cang Information Technology Solutions Joint Stock Company and Tan Cang Maritime Services Joint Stock Company)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG
THE BOARD OF DIRECTORS OF TAN CANG OFFSHORE SERVICES JSC.

- *Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng, mã số doanh nghiệp số 0311638652 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 17/03/2012, do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 30/09/2025;/ Pursuant to the Enterprise Registration Certificate of Tan Cang Offshore Services Joint Stock Company, Business code No. 0311638652, initially issued by the Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment on March 17th, 2012, and amended for the 14th time by the Ho Chi Minh City Department of Finance on September 30th, 2025;*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng (TCO);/ Pursuant to the Charter of Tan Cang Offshore Services Joint Stock Company (TCO);*
- *Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị (HĐQT) số .18./2026/BBH-HĐQT ngày 23/06/2026,/ Pursuant to the Meeting Minutes of the Board of Directors (BOD) No. .18./2026/BBH-HDQT dated 23rd June, 2026,*

QUYẾT NGHỊ/ *RESOLVES*

1. Thông qua hợp đồng/giao dịch giữa TCO và Người nội bộ, Người có liên quan của Người nội bộ hoặc Người có liên quan của TCO, chi tiết như sau:/ *Approval of the contracts/transactions between TCO and internal persons, affiliated persons of internal persons, or affiliated persons of TCO, as detailed below:*

Stt *No.*	Đối tượng giao dịch *Counterparty*	Hợp đồng/giao dịch *Contract/transaction*	Một số điều khoản/nội dung chính *Key terms/main contents*	Giá trị giao dịch dự kiến (nếu có) *Estimated transaction value (if any)*	Mối quan hệ với TCO *Relationship with TCO*

52 - 54 Trương Văn Bang, Phường Bình Trưng, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam • ĐT: (+84) 28 7300 6826 • Fax: (+84) 28 3535 5423
• Email: tcoffshore@tco.com.vn • Website : www.tancangoffshore.com.vn

1	Công ty Cổ phần Tân Cảng Gantry (TCGT), MSDN: 3502361710 cấp ngày 05/09/2024 bởi Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh/ *Tan Cang Gantry Joint Stock Company (TCGT), Business code: 3502361710, issued on September 05th, 2024 by the Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment*	Hợp đồng mua bán thiết bị/ *Equipment Purchase and Sale Agreement*	TCGT cung cấp cho TCO 02 cẩu RTG 6+1 phục vụ việc xếp dỡ container, hàng hóa/ *TCGT provides TCO with two (02) RTG 6+1 cranes to serve container and cargo handling operations*	Theo từng lần thực hiện hợp đồng, giao dịch/ *On a per-transaction*	Công ty con/ *Subsidiary*
		Thuê tàu trần, sà lan; dịch vụ tàu lai dắt/ *Bareboat charter, barge; tugboat services*	TCO cho TCGT thuê tàu trần, sà lan phục vụ công tác lai dắt và các hoạt động hỗ trợ khác liên quan đến hàng hải/ *TCO provides TCGT with bareboat charter and barge for towage operations and other maritime support activities*	Theo từng lần cung cấp dịch vụ/ *Per service provision*	
		Thuê cẩu; dịch vụ vận chuyển/ *Crane rental;*	TCGT cho TCO thuê cẩu, cung cấp dịch vụ vận chuyển và các	Theo từng lần cung cấp dịch vụ/ *Per*	

		transportation services	hoạt động liên quan đến hàng hải/ *TCGT provides TCO with crane rental, transportation services, and other maritime-related activities*	*service provision*	
2	Công ty Cổ phần Tân Cảng Lạch Huyện (TCLH), MSDN: 0202284259 cấp ngày 22/04/2025 bởi Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng/ *Tan Cang Lach Huyen Joint Stock Company (TCLH), Business code: 0202284259, issued on April 22nd, 2025 by the Hai Phong City Department of Finance*	Hợp đồng thuê thiết bị/ *Equipment Lease Agreement*	TCO cho TCLH thuê cẩu khung RTG 6+1 phục vụ việc xếp dỡ container tại bãi Tân Cảng Lạch Huyện/ *TCO provides TCLH with RTG 6+1 gantry cranes for container handling operations at Tan Cang Lach Huyen yard*	Theo từng lần thực hiện hợp đồng, giao dịch/ *On a per-transaction*	Công ty con/ *Subsidiary*
3	Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ thông tin Tân Cảng (TCIS), MSDN: 0310421671 cấp ngày 28/02/2025 bởi Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hồ Chí	Hợp đồng mua bán thiết bị/ *Equipment Purchase and Sale Agreement*	TCIS cung cấp thiết bị công nghệ thông tin cho TCO/ *TCIS provides TCO with information technology equipment*	Theo từng lần thực hiện hợp đồng, giao dịch/ *On a per-transaction*	Công ty con của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn/ *Subsidiary of Saigon Newport One*

	Minh/ *Tan Cang Information Technology Solutions Joint Stock Company (TCIS), Business code: 0310421671, issued on February 28th, 2025 by the Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment*				*Member Limited Liability Company*
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng (DVHH), MSDN: 0311297674 cấp ngày 01/11/2011 bởi Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh/ *Tan Cang Maritime Services Joint Stock Company (DVHH), Business code: 0311297674, issued on November 01st, 2011 by the Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment*	Thuê tàu trần, sà lan; dịch vụ tàu lai dắt/ *Bareboat charter, barge; tugboat services*	TCO cho DVHH thuê tàu trần, sà lan phục vụ công tác lai dắt và các hoạt động hỗ trợ khác liên quan đến hàng hải/ *TCO provides DVHH with bareboat charter and barge for towage operations and other maritime support activities*	Theo từng lần cung cấp dịch vụ/ *Per service provision*	Công ty con của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn/ *Subsidiary of Saigon Newport One Member Limited Liability Company*
		Dịch vụ hỗ trợ vận tải đường thủy/ *Inland waterway*	DVHH cung cấp cho TCO dịch vụ hỗ trợ trực	Theo từng lần cung cấp dịch	

		transportation support services	tiếp cho vận tải đường thủy và các hoạt động hỗ trợ khác liên quan đến hàng hải/ *DVHH provides TCO with direct support services for inland waterway transportation and other maritime-related support activities*	vụ/ *Per service provision*	

2. HĐQT giao Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật TCO tiến hành các thủ tục liên quan đến việc ký kết và thực hiện hợp đồng/giao dịch nêu trên, bao gồm:/ *Authorization is hereby granted to the General Director – the legal representative of TCO to carry out all procedures related to the execution and implementation of the above-mentioned contracts/transactions, including:*

- Quyết định giá trị cụ thể đối với từng hợp đồng/giao dịch nhưng phải đảm bảo điều kiện giá trị mỗi hợp đồng/giao dịch với từng đối tượng nêu tại Mục 1 phải nhỏ hơn 35% (*ba mươi lăm phần trăm)* hoặc tổng giá trị các hợp đồng/giao dịch phát sinh với cùng một đối tượng trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện hợp đồng/giao dịch đầu tiên phải nhỏ hơn 35% (*ba mươi lăm phần trăm*) tổng giá trị tài sản ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của TCO tại thời điểm ký kết hợp đồng/giao dịch và/hoặc phụ lục điều chỉnh, bổ sung./ *Determining the specific value of each contract/transaction, provided that the value of each contract/transaction with each counterparty specified in Section 1 is less than 35% (thirty-five percent), or that the aggregate value of contracts/transactions arising with the same counterparty within 12 months from the date of implementation of the first contract/transaction is less than 35% (thirty-five percent) of the total asset value recorded in TCO's most recent financial statements at the time of execution of the contract/transaction and/or any amending or supplementary appendices.*

- Quyết định các điều khoản và điều kiện cụ thể của các hợp đồng/giao dịch, thỏa thuận, tài liệu có liên quan đến hợp đồng/giao dịch nói trên, kể cả các thoả thuận sửa đổi, bổ sung, chấm dứt giao dịch, hợp đồng (nếu có) phù hợp với các điều kiện quy định của pháp luật; và/ *Deciding on the specific terms and conditions of the contracts/transactions, agreements, and documents related to the above-mentioned contracts/transactions, including any agreements on amendment, supplementation, or termination of the contracts/transactions (if any), in compliance with applicable laws; and*

- Ký kết và thực hiện các hợp đồng/giao dịch và các tài liệu có liên quan tới hợp đồng/giao dịch nói trên kể cả các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, thay thế, chấm dứt hợp đồng/giao dịch (nếu có) phù hợp với các điều khoản, điều kiện quy định trên./ *Executing and implementing the above-mentioned contracts/transactions and all related documents, including any*

agreements on amendment, supplementation, replacement, or termination of the contracts/transactions (if any), in accordance with the foregoing terms and conditions.

3. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký./ *This BOD Resolution shall take effect from the date of signing.*

4. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./ *BOD Members, the General Director, and all relevant individuals shall be responsible for the implementation of this Resolution.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ *ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS*
CHỦ TỊCH/ *CHAIRMAN*

Lê Đăng Phúc

Nơi nhận/ Recipients:
- *Như Mục 4, BKS;/ As stated in Section 4, BOS;*
- *Lưu: TK./ Archived by Corporate Secretary*